

TINH THẦN GIÁO DỤC PHẬT GIÁO VÀ GIÁ TRỊ CỦA NÓ ĐỐI VỚI ĐỊNH HƯỚNG GIÁO DỤC CON NGƯỜI VIỆT NAM (Qua trường hợp nghiên cứu về Duy thức học)

Nhận bài:

11– 12 – 2017

Chấp nhận đăng:

20 – 03 – 2018

<http://jshe.ued.udn.vn/>

Dương Đình Tùng^a, Dương Minh Phương^b

Tóm tắt: Phật giáo du nhập vào Việt Nam từ rất sớm, tồn tại song hành và tham gia cấu thành nên văn hóa truyền thống người Việt. Trên tinh thần trung đạo, mục tiêu giáo dục của Phật giáo là hoàn thiện một con người cả về trí tuệ và đạo đức, tức lấy sự phát triển hài hòa, cân bằng giữa vật chất và tinh thần làm tiền đề cho sự phát triển của cá nhân và xã hội. Giáo dục luôn được Đảng và Nhà nước Việt Nam đặc biệt quan tâm, trong những năm qua, giáo dục Việt Nam không ngừng tiếp cận những kinh nghiệm của các nền giáo dục tiên bộ trên thế giới. Đó là tất yếu. Song, việc phát huy những giá trị văn hóa truyền thống trong nội tại là điều cần thiết, và quan điểm của Phật giáo về giáo dục là gợi ý cần được quan tâm đối với định hướng giáo dục con người Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: giáo dục con người; giáo dục Phật giáo; tự ngã; con người toàn diện; vô ngã.

1. Đặt vấn đề

E.F. Schumacher trong “Nhỏ là đẹp” viết: “Nếu nền văn minh phương Tây thường xuyên rơi vào khủng hoảng thì có thể nói rằng có những sai lầm nào đó trong hệ thống giáo dục của nó.” [4, tr.246], cho thấy vai trò của giáo dục đối với sự phát triển cũng như khủng hoảng mà xã hội đang đối diện. Trong tiến trình phát triển của xã hội loài người, tôn giáo là một hiện tượng tự nhiên - xã hội, sự hình thành và phát triển của tôn giáo có những đóng góp nhất định đối với sự phát triển của con người xã hội. Với tư cách một tôn giáo, Phật giáo có mặt ở Việt Nam từ rất sớm, theo tiến trình lịch sử dân tộc, Phật giáo đã góp phần vào sự phát triển và tham gia cấu thành nên văn hóa Việt. Phật giáo là một trong những tôn giáo xem trọng vấn đề giáo dục, theo họ “giáo dục có thể giúp giới trẻ hướng tới trí tuệ hơn là kiến thức, và tìm ra cách để cùng nhau làm việc một cách hòa hợp, và cùng sáng tạo nên những thể chế dựa

trên sự từ bi chứ không phải lòng tham” [6, tr.xii].

Trong di chúc, chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn: “Đảng cần chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho họ thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa “hồng” vừa “chuyên” [8]. Đào tạo thế hệ tương lai của đất nước luôn là nhiệm vụ trọng tâm quyết định đến vận mệnh của dân tộc, và trong thời đại ngày nay trước sức ép của phát triển kinh tế, những mặt trái của nền kinh tế thị trường thì việc đào tạo ra những con người có đủ “tâm” và “tầm” gặp không ít những khó khăn. Trong những năm qua dưới sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, giáo dục không ngừng có những thay đổi về lượng và chất nhằm đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực. Trong quá trình đó, việc tiếp biến văn hóa giáo dục hiện đại của phương Tây là điều cần thiết, tuy nhiên song song với quá trình đó cần phát huy những hệ giá trị, đặc biệt là hệ giá trị về văn hóa giáo dục, đạo đức truyền thống của dân tộc hướng tới xây dựng con người Việt Nam vừa có tính dân tộc, vừa có tính thời đại. Từ khi du nhập và phát triển với những thăng trầm khác nhau, cho đến ngày nay, có thể nói hệ giá trị của Phật giáo không chỉ ít có sự khác biệt về chất đối với văn hóa của dân tộc Việt mà ở một chừng mực nhất định nó còn tham gia cấu thành sức mạnh nội sinh văn hóa dân tộc.

^aTrường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng

^bTrường Cao đẳng Sư phạm Huế

* Liên hệ tác giả

Dương Đình Tùng

Email: duongdinh tungtr@gmail.com

Vì thế, nghiên cứu về tinh thần giáo dục Phật giáo sẽ là một gợi ý đáng chú ý đối với việc định hướng giáo dục con người Việt Nam hiện nay.

2. Giải quyết vấn đề

2.1. Một số vấn đề cơ bản về định hướng giáo dục của Phật giáo

2.1.1. Mục tiêu giáo dục của Phật giáo

Giác ngộ là mục đích tối hậu của Phật giáo. Để đạt đến sự tỉnh thức hay tuệ giác, con người phải có nhận thức đúng về thế giới, về con người và xã hội, chỉ khi nhận thức đúng thì con người mới có hành động và lời nói đúng. Khác với những tôn giáo hữu thần khác là tìm kiếm sự an lành ở một thế giới siêu hình khác, Phật giáo với tư cách là một tôn giáo hướng con người có một đời sống trí tuệ, an lành và hạnh phúc ngay trên đời sống thực tại, kết quả của giáo dục không phải để phục vụ một đối tượng thần linh nào, mà là sự quy hồi phục vụ chính con người trong đời sống thực tại của họ. Trên tinh thần trung đạo, Phật giáo hướng tới nền giáo dục xây dựng con người có sự cân bằng giữa thể chất và tinh thần, theo họ nếu con người đi vào cực đoan, tức khổ hạnh, ép xác hoặc lầy lặc thú làm mục đích sống tất yếu sẽ rơi vào khổ đau, bởi cái vui hay buồn khổ mà con người có trong hai thái cực đó chỉ mang tính tức thời, vô thường.

Phật giáo cho rằng, con người được cấu thành từ ngũ uẩn gồm: sắc, thọ, tưởng, hành, thức; năm phần này được chia thành hai nhóm: sắc pháp (thể chất) và tâm pháp (tinh thần), một con người toàn diện phải bao gồm hai năng lực trên, nếu cực đoan về phía nào cũng dẫn đến sự phát triển không hài hòa, mất cân bằng trong cá nhân và xã hội. Nếu xem nhẹ yếu tố tinh thần, con người sẽ quên đi những giá trị và sức mạnh của tinh thần, đây là trường hợp của chủ nghĩa tôn sùng vật chất, và trong thời kì cổ đại của Ấn Độ đây là trường hợp của trường phái Lokayata; và ngược lại, nếu xem nặng yếu tố tinh thần, con người sẽ bỏ qua thực tại, không thấy được sức mạnh của yếu tố vật chất trong xã hội, dẫn đến các trường hợp như tu khổ hạnh, ép xác để khơi dậy tuệ giác trong các nhóm tôn giáo ở Ấn Độ đương thời; cả hai khuynh hướng ấy đều chịu sự phê phán của Phật Thích Ca. Nên định hướng phát triển trong giáo dục Phật giáo là sự cân bằng giữa tâm lí và vật lí, thực tại và lí tưởng,.... Duy thức học¹ gọi đó là con đường trung đạo. Bàn về xã hội, Phật giáo hướng tới xóa bỏ sự khác

biệt về đẳng cấp trong xã hội, theo họ cái làm nên giá trị của con người không phải nơi họ sinh ra mà do nhân cách con người quy định. Trong Kinh Kalama, Phật thuyết: “một người sinh ra không bao giờ trở thành một người Chiên đà la hay Bà la môn, mà chính vì hành vi của người ấy tạo thành một người Chiên đà la hay Bà la môn” [6, tr.19]. Do vậy, để hướng đến xây dựng con người hài hòa thì giáo dục nhà trường và xã hội cần tạo ra một môi trường bình đẳng cho tất cả mọi người, bình đẳng về cơ hội được giáo dục, bình đẳng về cơ hội phát triển và hoàn thiện bản thân. Phật giáo có niềm tin rất lớn vào sự tỉnh thức của con người, theo họ con người ai cũng tuệ giác (trí tuệ giác ngộ) nhưng do mê lầm, dục vọng mà không nhận ra cái bản tính chân thật của mình. Trong Kinh Pháp Hoa, Phật thuyết *ta là Phật đã thành chúng sinh là phật sẽ thành* cho thấy con người có đầy đủ năng lực trí tuệ để giác ngộ về chân lí của cuộc đời. Muốn vậy, con người phải có nhận thức đúng, lời nói đúng và hành động đúng, và giáo dục là con đường hữu dụng nhất để con người có thể hiện thực hóa được các điều trên. Phật giáo cho rằng, giáo dục phải có trách nhiệm khai phóng con người ra khỏi sự nô lệ, đó là sự nô lệ với thần linh và nô lệ với dục vọng của bản thân.

¹Duy thức học hay Duy thức tông là một tông giáo lớn của Phật giáo phát triển, ra đời khoảng thế kỉ thứ IV (sau công nguyên) ở Ấn Độ. Từ khi ra đời, Duy thức tông đã có ảnh hưởng mạnh mẽ đến sự phát triển của triết lí Phật giáo, đặc biệt ở các nước như Nhật Bản và Trung Hoa tư tưởng này rất phổ biến. Ở Việt Nam, Duy thức học được thể hiện qua tư tưởng Phật giáo Lý - Trần, tuy không thành lập một tông phái tu hành riêng, nhưng có sự ảnh hưởng đến tư tưởng nhập thể của thiền tông Việt Nam. Ngày nay, trong các Học viện Phật giáo, Duy thức học là học phần bắt buộc với thời lượng lớn trong chương trình đào tạo tăng tài của Phật giáo Việt Nam.

Nghĩa là giáo dục phải có hai nhiệm vụ: Thứ nhất, giáo dục phải khai phóng con người ra khỏi những ràng buộc mang tính thần bí, con người phải tự nhận thức được đời sống cá nhân do bản thân họ quyết định (nghiệp - karma), không có một vị thần nào có thể ban ơn hay giáng họa cho con người, mọi sự và vật trên thế gian đều vận hành theo lí nhân quả, không có cái tự nhiên

sinh hay tự nhiên diệt. Thứ hai, khai phóng con người khỏi nô lệ về dục vọng bản thân, theo Phật giáo dục vọng đã biến ý thức con người từ chủ nhân thành nô lệ của bản thân, việc thêm khát về dục vọng như tiền tài, danh vọng,... đã làm đời sống con người mất cân đối, người ta có thể làm giàu cho bản thân bằng mọi hành vi bất chấp những giới định của pháp luật và luân thường đạo đức. Định hướng giáo dục Phật giáo là đưa con người đạt đến sự tỉnh thức, tức con người phải nhận thức được sự thật về cuộc đời của mình, và từ đó để được xem là điểm then chốt của vấn đề này. Giáo dục phải hướng mỗi con người nhận thức đúng về khổ đau, nguyên nhân dẫn đến khổ đau, sự tận diệt khổ đau và con đường đi đến sự tận diệt khổ đau. Nhận thức đúng dẫn những sự thật đó, con người sẽ phá bỏ đi những cái không thật, để không còn chạy theo dục vọng và đi tìm giá trị thực chất của đời sống con người, đó là giá trị về chân - thiện - mỹ.

2.1.2. Nhận thức về tự ngã - con đường đến với sự tỉnh thức

Tự ngã (personality, sefl, ego) là vấn đề trung tâm của triết học giáo dục, các trường phái triết học khác nhau đã có những biện luận riêng, điều này đã tạo ra không ít những mâu thuẫn trong việc định hướng giáo dục và phát triển của cá nhân trong xã hội. Phật giáo nói chung và Duy thức học nói riêng cho rằng, tính chất của tự ngã là chấp thủ và khát vọng vật chất nơi mỗi con người, sai lầm của con người là luôn cho cái ngã tính của mình là thật, dẫn đến đứng trước danh và lợi ta luôn muốn thụ nhận về bản thân - đó là tự ngã, con người thường kiến chấp ý kiến của mình là đúng, lấy cái chủ quan để phán xét đúng sai về người khác - đó là tự ngã. Lấy cái giả tạm cho là thật nên con người thường không kiểm soát được những dục vọng cá nhân, sẵn sàng thực hiện những hành động có thể là hành động phi pháp để thỏa mãn dục vọng cá nhân. Ở đây cũng cần lưu ý, kiểm soát dục tính cá nhân trong quan niệm của Phật giáo không phải là sự đè nén cảm xúc, tạo ra những bức bí về xúc cảm khi mà cái dục tính không được giải thoát (điều này rất dễ gây nên những bệnh lý về thần kinh như phân tích của trường phái Tâm lý học chiều sâu). Kiểm soát dục tính trong quan niệm của Phật giáo là giải trừ cái bản ngã cá nhân trong mỗi con người bằng con đường trí tuệ, tức ý thức phải sử dụng phương pháp vô thường và vô ngã để thấy rằng mọi sự và vật trên thế gian không gì là thật, nên không bám vào cái giả tạm đó làm

mục đích cho hoạt động sống. Dưới nhãn quan Phật giáo, *chiến thắng nghìn quân không bằng chiến bằng chiến thắng chính bản thân mình*, chính là chiến thắng cái bản ngã dục tính, cái tôi trong con người cá nhân. Tuy nhiên, ý thức về cái tôi (mysefl) theo tinh thần Phật giáo không phải là sự bi quan, không phải khuyên con người không vượt lên phát triển bản thân, mà nó định hướng con người vươn lên làm chủ cái bản ngã cá nhân để sống một đời sống thực tại vô ngã. Bởi theo họ “xây dựng ý thức tự ngã là điều ai cũng làm được, nếu không muốn nói là mặc nhiên. Nhưng để vượt qua ý thức tự ngã và các mâu thuẫn, nhu cầu, xung lực... nội tại của nó là điều không phải ai cũng làm được” [5, tr.96].

Theo Duy thức học, đời sống tâm thức (mental formation) của con người bị chi phối bởi tám thức tâm vương² (tàng thức, mạn na thức, ý thức, nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức và thân thức), và ý thức là điểm mấu chốt để giải quyết vấn đề tự ngã của cá nhân. Trong tám thức, tàng thức (alaya thức)³ có vai trò quan trọng nhất, thức này là điểm khởi đầu và cũng là sự kết thúc trong tiến trình hoạt động của tâm thức. Tàng thức đóng vai trò lưu trữ những hành động và suy nghĩ mà chủ thể đã tạo ra trong quá khứ và hiện tại, xét về bản chất tàng thức là vô kí (không thiện cũng không ác - trung đạo), tức các chủng tử được lưu trữ trong tàng thức không có sự phân biệt đúng - sai hay thiện - ác. Điểm nối giữa tàng thức và ý thức là mạn na thức, theo Duy thức học thức này “biến hành, huệ và tám đại tùy/ tham, si, kiến,

²Theo nhà Phật, tâm thức của con người có hai loại: tâm vương và tâm sở. Tâm vương làm chủ đời sống tâm thần gồm tám loại; tâm sở gồm 51 loại, tâm này tùy thuộc vào tâm vương mà phát sinh, tâm sở cũng được hiểu như trạng thái tâm lý như: xúc cảm, ý chí... còn chức năng chủ yếu của tâm vương là nhận thức.

³Nếu so sánh với tâm lý học chiều sâu, khái niệm tàng thức gần với khái niệm vô thức, vô thức tập thể mà Freud và C.Jung đã đề cập.

mạn quanh ngã tướng” [3, tr.114], thức thức này luôn bị che lấp bởi chấp thủ về tự ngã gồm: ngã tham, ngã si, ngã mạn, ngã kiến. Mạn na thức được sinh ra từ tàng thức, sự nhiễm ô hay thanh tịnh của thức này có tác động lớn đến chiều hướng hoạt động của ý thức và năm thức giác quan, trong hoạt động thức này thể hiện qua

sự chấp ngã về một vấn đề nào đó. Ví dụ, nếu mặt na thức có ngã kiến tức thành kiến về đối tượng nào đó, thì khi ý thức nhận định, phân tích về đối tượng đó sẽ không khách quan mà thường đưa cái chủ quan của mình gán cho đối tượng. Nếu chiếu theo ngôn ngữ tâm lí học chiều sâu, thức này chính là cơ chế bản năng dục vọng hay cơ chế tự tồn của con người. Trong tám thức, theo Duy thức học, ý thức có bản tính năng động hơn cả, “suy nghĩ làm việc phải thức này đứng đầu; còn tạo tác việc ác, thì nó cũng hơn cả. Bởi thế nên trong Duy thức nói: “công vi thủ, tội vi khôi” [1, tr.22]. Ý thức có đầy đủ cả ba tính chất là thiện, ác và vô kí, so với hai thức alaya và mặt na thì ý thức năng động và có tính trội hơn (theo nghĩa, những biểu hiện của ý thức ta có thể khảo nghiệm được, còn hai thức trước hoạt động vi tế hơn và rất khó có thể thực nghiệm), hơn nữa, ý thức còn tác động trực tiếp đến năm thức trong hoạt động nhận thức. Ví dụ, nhãn thức chỉ có chức năng là cấp cho chủ thể thông tin về hình sắc của đối tượng, nếu không có sự tham gia của ý thức ta không thể phân biệt, đánh giá về các màu sắc giữa các đối tượng. Trong tám thức, ý thức có chức năng nhận biết (liễu biệt) về đối tượng, nếu không có ý thức con người không thể nhận biết, phân biệt hay đưa ra những phán đoán, suy luận về đối tượng để định hướng hành động của con người.

Ý thức đóng vai trò then chốt trong nhận thức của con người, việc con người có tri thức như thế nào về đối tượng, phần lớn đều có nguyên nhân trực tiếp từ ý thức. Trên con đường làm chủ tự ngã, ý thức được xem là *ông chủ* trong vấn đề này, bởi trong quá trình xây dựng những chủng tử thiện trong tàng thức thì ý thức được xem là nhân tố mang tính quyết định, nếu ý thức chấp ngã và pháp dẫn đến si mê, sân hận thì đó là con đường tạo nghiệp bất thiện, mặt khác, nếu ý thức nhận thức đúng được bản chất vô thường và vô ngã của vạn pháp sẽ định hướng cho con người tiến tới đời sống hạnh phúc. Để hướng đến chân lí trong nhận thức, ý thức phải phá bỏ được định kiến, hay phải phá bỏ chấp ngã và pháp để loại bỏ những hạt giống có thể tạo nên nghiệp bất thiện cho cuộc sống con người trong đời sống hiện tại và tương lai, và điều đó chỉ được thực hiện qua con đường giáo dục.

Tinh thần giáo dục của Duy thức là đánh thức ý thức tự giác của mỗi con người và giúp ý thức vươn tới sự trải nghiệm của chân lí tuyệt đối. Đức Phật từng nói: *con người hãy tự thấp xuống mà đi*, mỗi cá thể là chủ nhân

của đời sống trong cả quá khứ, hiện tại và vị lai, con người phải chịu trách nhiệm về chính hành động tạo nghiệp của mình. Nghiệp có thiện và ác, việc sinh khởi điều thiện hay loại trừ điều ác, chấm dứt vô minh đều do ý thức quyết định. Giáo dục mà Duy thức học hướng tới là giải thoát con người ra khỏi cái tự ngã của cá nhân, bởi theo họ “giá trị chân chính của một con người chủ yếu được xác định bằng các tiêu chuẩn và ý nghĩa, trong đó người ấy đã đạt tới sự giải thoát khỏi cái tự ngã” [6, tr.171]. Và theo họ, sinh mệnh hay nghiệp của mỗi con người không chịu sự chi phối bởi bất kì một vị thần, hay đấng toàn năng nào, tất cả đều do chính chủ thể quyết định. Trong tàng thức, việc chủng tử thức có những nội dung xấu hay tốt, thiện hay bất thiện đều phụ thuộc vào sự nhận thức của ý thức, do vậy, ý thức hay sự nhận thức của con người về vạn pháp là nhân tố quyết định đến lời nói và hành động của họ, và nhiệm vụ của giáo dục là tạo ra những phương tiện, công cụ để ý thức của chủ thể có thể nhận biết tự tính của vạn pháp, nhận biết được giá trị của cuộc sống.

Ngày nay, với sự phát triển bùng nổ của khoa học công nghệ, đời sống vật chất của con người ngày càng được nâng cao, tuy nhiên giàu có về vật chất chưa đảm bảo được đời sống của con người được an bình và hạnh phúc. Khoảng cách giàu nghèo trong xã hội ngày càng rộng, những tranh chấp về lãnh thổ, chiến tranh tôn giáo, sự va chạm, xung đột giữa các nền văn hóa, văn minh vẫn diễn ra ở nhiều nơi trên thế giới. Trước những vấn nạn đó, nền giáo dục của các quốc gia cũng có phần trách nhiệm. Theo nhà Phật, một trong những nguyên nhân dẫn đến những hệ quả trên, là tinh thần trách nhiệm ngày càng giảm và cái tự ngã trong cá nhân mỗi con người ngày càng tăng. Để khắc phục điều đó, hướng tới một xã hội hài hòa, con người có sự thông hiểu và chấp nhận sự khác biệt lẫn nhau, Phật giáo nói chung và Duy thức học nói riêng đề cao tinh thần trách nhiệm cá nhân trong giáo dục, nếu giáo dục không định hướng để phát triển cá nhân thành những “con người có trách nhiệm, tự tin, tự nỗ lực, tự chế, tự chấp nhận, tự tri thì đó là nền giáo dục không hữu hiệu” [4, tr.202] hay khi nền giáo dục không xây dựng được tinh thần trách nhiệm cá nhân thì “không có luật pháp nào được thi hành và xã hội loài người sẽ rơi vào khủng hoảng” [4, tr.203] các cá nhân trở nên ích kỉ, xung đột xảy ra là điều khó tránh khỏi. Nên, tinh thần giáo dục của Duy thức học là đánh thức ý thức tự giác nơi con người, trả con người về đúng

vị trí của nó, hay “việc đào tạo các công dân hữu dụng, chúng ta cần chú ý rằng, người công dân hay con người xã hội, phải đứng sau con người chính nó; không có con người chính nó thì con người công dân sẽ không bao giờ được đào tạo” [4, tr.251].

Do vậy, để giáo dục cá nhân thành những con người toàn diện, trước hết cần giáo dục ý thức về cái tôi, tức ý thức được việc chấp ngã và pháp, bám vào cái ngã cá nhân để suy nghĩ và hành động là sai lầm. Chỉ khi, con người nhận thức được bản tính cá nhân của mình là vô ngã, thì ý thức không chỉ nhận thức được quy luật của tự nhiên, xã hội và tư duy mà còn phát huy được những giá trị nhân văn trong cộng đồng, đó là lí trung đạo của giáo dục Phật giáo. Theo Phật giáo, để có một con người hay xã hội hài hòa, cần phải xây dựng một nền giáo dục mà các cá nhân được rèn luyện để hình thành những phẩm chất như: tinh thần trách nhiệm, tinh thần tự tin, tự chấp nhận mình, tinh thần tự tri, tinh thần thực tế, tinh thần trung đạo, tinh thần phân tích, tinh thần phê phán, tinh thần sáng tạo và tinh thần thiền định. Và muốn vậy, giáo dục phải có sự song hành giữa giáo dục về chuyên môn để con người tạo ra những giá trị vật chất cho xã hội, và đồng thời phải giáo dục tinh thần, đạo đức, văn hóa để con người nhận biết được sức mạnh tinh thần, nhận biết được những giá trị đạo đức, nhân văn trong văn hóa truyền thống. Đó là đường hướng giáo dục con người toàn diện của Duy thức học.

Tuy nhiên, trong thời đại ngày nay, quan niệm về giáo dục của Phật giáo hay Duy thức học cũng có những hạn chế. Tuy rằng, giải phóng tự ngã bằng vô ngã là con đường đến hạnh phúc, tránh được những tham chấp về vật chất trong đời sống xã hội. Song, động lực để phát triển cho xã hội và cá nhân trong thời đại ngày nay, là tôn trọng cá nhân, tạo động lực để cá nhân phát huy hết nội lực của mình trên tinh thần tôn trọng cái chung của xã hội. Dục tính là sự ham muốn của con người, chính dục tính đã hình thành động lực tạo ra động cơ để con người hành động, nếu không ham muốn về vật chất con người sẽ không có động cơ trong lao động sản xuất, dẫn đến một xã hội thiếu sinh khí trong phát triển. Cũng vậy, một quốc gia không có ham muốn để người dân đạt đến hạnh phúc, quốc gia đó sẽ không chịu cái thiện những hạn chế trong quản trị xã hội, không lo phát triển kinh tế, người dân không chịu đấu tranh trước những vấn nạn trong cuộc sống thì những điều như tự do -

hạnh phúc nhiều khi chỉ là lí thuyết mà không thực chất đi vào đời sống xã hội mang tính phổ quát.

Từ những phân tích trên cho thấy, ở một vài góc độ nhất định về ý thức tự giác, ý thức về cái tôi hay ý thức về tiềm năng tinh thần của Duy thức học nói riêng và Phật giáo nói chung có sự tương thích nhất định đối với nền giáo dục hiện đại, đó là xây dựng nền giáo dục về tính tự chủ, tự giác, năng động và sáng tạo.

2.2. Giá trị của tinh thần giáo dục Phật giáo đối với giáo dục con người Việt Nam hiện nay

2.2.1. Vấn đề định hướng giáo dục con người Việt Nam hiện nay

Chủ tịch Hồ Chí Minh từng dạy: *Hiện, dư phải đâu là tính sẵn/ Phần nhiều do giáo dục mà nên*, cho thấy cái thiện hay ác không phải là tính sẵn nơi mỗi cá nhân, mà chính giáo dục chiếm phần nhiều trong quá trình hình thành nhân cách mỗi con người. Giáo dục là cách tiếp cận hữu dụng nhất để con người trưởng thành và sống có trách nhiệm với bản thân và xã hội. Tại Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) đã ban hành Nghị quyết 33-NQ/TW: “*Xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. Văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh*” [7] đã cho thấy Đảng ta luôn có sự quan tâm đặc biệt đến quá trình xây dựng con người Việt Nam hiện đại thấm nhuần tinh thần nhân văn, dân tộc, đó là con người phát triển toàn diện hướng đến sự cân bằng, hài hòa giữa vật chất và tinh thần. Định hướng xây dựng những phẩm chất của con người Việt Nam trong thời đại mới có sự phù hợp nhất định so với định hướng giáo dục con người theo quan niệm của Phật giáo như đã phân tích ở trên là hướng tới con người phát triển toàn diện, hài hòa giữa đời sống vật chất và đời sống tinh thần, do vậy, việc tiếp nhận tinh thần giáo dục Phật giáo không những không tạo ra độ vênh về định hướng phát triển mà đó còn là một quá trình tiếp biến tự nhiên, bởi văn hóa Phật giáo từ lâu đã tham gia, cấu thành nên văn hóa Việt.

Theo tinh thần đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục của Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI, trong những năm qua giáo

dục Việt Nam đã có những thay đổi mạnh mẽ trên nhiều phương diện, tuy nhiên hiệu quả mang lại chưa được như mong muốn của Đảng và Nhà nước, cũng như kì vọng của xã hội. Sản phẩm được đào tạo, chất lượng chưa đáp ứng được nhu cầu sử dụng lao động của xã hội, hơn nữa một bộ phận học sinh, sinh viên hiện nay đang có xu hướng đi xuống về đạo đức, như Báo cáo của Bộ GD&ĐT về công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh sinh viên: “Một số học sinh, sinh viên (HS, SV) đề cao lối sống thực dụng, ích kỉ, thích hưởng thụ, đua đòi, xa hoa lãng phí, xem nhẹ giá trị tinh thần. Không quan tâm đến cộng đồng, người xung quanh, ít tham gia các hoạt động tình nguyện, hoạt động xã hội và cộng đồng; sống khép mình, đề cao chủ nghĩa cá nhân, xa rời tập thể, có một số HS, SV vi phạm pháp luật nghiêm trọng gây bức xúc trong nhân dân” [9]. Hệ quả này, có nhiều nguyên nhân, nhưng theo chúng tôi một trong những nguyên nhân quan trọng là thuộc về định hướng nội dung chương trình đào tạo, sức ép từ phía gia đình và xã hội đối với người học.

Về định hướng giáo dục, cơ bản chúng ta quan niệm đại học là nơi đào tạo ra những con người có phẩm chất đạo đức, năng lực nghề nghiệp để phục vụ sự nghiệp xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước. Đây là một định hướng đúng. Tuy nhiên, nếu chiếu vào chương trình đào tạo của các trường đại học trên toàn quốc, về cơ bản chúng ta mới giải quyết một nửa vấn đề, là tập chung vào đào tạo chuyên môn (mặc dù đào tạo chuyên môn cũng chưa thực sự hiệu quả) mà chưa có sự quan tâm đúng mức đến giáo dục về tinh thần, đạo đức và văn hóa cho người học. Giáo dục, đặc biệt giáo dục đại học ở Việt Nam hiện nay vẫn lấy việc trang bị kiến thức cho người học là chính yếu, chương trình đào tạo vẫn xây dựng theo hướng tiếp cận nội dung kiến thức mà chưa có sự đột phá về tiếp cận năng lực người học. Những hoạt động ngoại khóa, hoạt động trải nghiệm nhằm định hướng về đạo đức, văn hóa và giáo dục lí tưởng sống cho người học ở các bậc học phổ thông còn mang tính hình thức. Về gia đình, phần đa các bậc phụ huynh hiện nay có những định hướng chưa thực sự mang tính giáo dục cho người học, chủ yếu các gia đình vẫn ép con em mình đầu tư thời gian vào những môn học để thi đại học mà ít quan tâm đến giáo dục đạo đức, giáo dục nhân cách và lối sống cho người học. Ở bậc học cao hơn, phụ huynh vẫn mong muốn con em mình có được tấm bằng đại học, từ đó có thể khẳng định được vị trí trong xã hội,

điều này, xét ở góc độ văn hóa cũng một phần ảnh hưởng từ văn hóa *uru danh* của người Việt. Về phía xã hội, được xét từ hai mặt: thứ nhất, dưới ảnh hưởng của kinh tế thị trường, toàn cầu hóa đã làm thế giới phẳng trên tất cả mọi lĩnh vực trong đó có văn hóa, điều này đã tạo ra sự năng động, hiện đại cho giới trẻ, tuy nhiên bên cạnh đó cũng không ít những huệ lụy như: lối sống gấp, sống theo chủ nghĩa vật chất, vụ lợi đang từng ngày thâm nhập vào giới trẻ hiện nay, và điều này còn có hậu quả nặng nề khi mạng xã hội phát triển, cá nhân không ngừng tiếp nhận những trào lưu văn hóa mới trên thế giới, song hiện nay về phần lớn, người tiếp nhận chưa được giáo dục về kĩ năng, về văn hóa tiếp nhận nên những thông tin này không được sàng lọc mà được tiếp nhận theo tính trào lưu. Thứ hai, xã hội Việt Nam về cơ bản vẫn nặng về bằng cấp, chúng ta thường đánh giá một con người thông qua bằng cấp của họ mặc dù biết rằng, điều đó chỉ phản ánh được mặt nào đó bản chất của con người, trong tuyên dụng nhân sự bằng cấp vẫn mang tính quyết định. Từ những phân tích trên, có thể khái quát, từ ba phía gia đình, nhà trường và xã hội, dường như chúng ta đang tạo ra môi trường kích thích cho sự phát triển cái tự ngã cho người học, điều này vô hình chung chúng ta đang góp phần xây dựng chủ nghĩa cá nhân (ở đây, chủ nghĩa cá nhân được hiểu theo nghĩa tiêu cực của từ này, nó không phải là đề cao giá trị của cá nhân mà là lối sống ích kỉ, vụ lợi, bàng quan trước những nỗi đau của đồng loại) trong xã hội. Với những sức ép mà môi trường tạo ra cho người học, như một hệ quả, vấn đề hứng thú học đường ở Việt Nam hiện nay đang là điều đáng báo động, những môn khoa học xã hội như: Lịch sử hay Giáo dục công dân bị xem thường ngay từ những năm đầu cấp học, người ta hướng người học tập trung vào những môn như Toán, Lý, Hóa, Ngoại ngữ để người học sau này có thể trở thành những kĩ sư, bác sĩ mà quên đi giá trị nhân cách trong mỗi con người. Có thể nói, thực trạng về mục tiêu định hướng giáo dục con người nếu không được giải quyết, thì việc chúng ta tạo ra những con người phiến diện, thiếu sự cân bằng, thiếu tính nhân văn là điều khó tránh khỏi.

Ngày nay, trong xu thế toàn cầu hóa, sự ra đời của những hệ thống kinh tế, công nghiệp hiện đại đã ảnh hưởng sâu rộng đến đời sống của người dân Việt Nam, đây là tất yếu khách quan. Sự ảnh hưởng này có mặt tích cực, là tạo thêm nhiều phương cách nhằm thoả mãn những nhu cầu về vật chất cho con người, tuy nhiên nếu

chúng ta không tạo ra một sự cân bằng giữa vật chất và tinh thần trong xã hội nói chung và chương trình giáo dục nói riêng sẽ dẫn đến sự mất cân đối, hài hòa trong bản thân mỗi cá nhân và trong toàn xã hội. Những biểu hiện hiện nay ở bình diện xã hội như: khủng hoảng về tinh thần, khủng hoảng về lí tưởng sống, khủng hoảng môi trường,... đã phần nào phản ánh được điều đó. Vì vậy, việc hướng đến định hướng giáo dục con người phải toàn diện, cân bằng giữa đời sống vật chất và đời sống tinh thần là yêu cầu quan trọng để hướng đến xây dựng một xã hội hài hòa và con người phát triển bền vững trong xã hội hiện đại.

2.2.2. Sự phù hợp của tinh thần giáo dục Phật giáo

Trước những vấn đề đặt ra cho giáo dục Việt Nam nói riêng và xây dựng con người Việt Nam trong thời đại mới nói chung thì những định hướng về giáo dục của Phật giáo là gợi ý đáng được quan tâm. Phật giáo xuất hiện ở Việt Nam từ rất sớm, và có một quá trình lâu dài thâm nhập sâu rộng vào đời sống xã hội Việt trên nhiều phương diện, và xét ở góc độ tư tưởng thì văn hóa Phật giáo đã trực tiếp hoặc gián tiếp tham gia cấu thành và xây dựng nên quan niệm sống của dân tộc ở góc độ nhân sinh quan và thế giới quan. Trên bình diện chính trị xã hội có thể thấy Phật giáo Việt Nam đã thể hiện tinh thần nhập thế xuyên suốt trong chiều dài lịch sử dân tộc. Trong các triều đại phong kiến như: Đinh, Lê, Lý, Trần có không ít các vị tăng sĩ Phật giáo tham gia vào quá trình quản trị xã hội như: Thời nhà Đinh có thiền sư Ngô Chân Lưu, thời Tiền Lê có thiền sư Vạn Hạnh, Đỗ Pháp Nhuận và Khuông Việt, hay trong triều đại nhà Trần có hiện tượng những vị vua sau khi nhường ngôi đã trở thành tu sĩ, đặc biệt nhất là vua Trần Nhân Tông là một vị vua anh minh khi còn trị vì, song cũng là người sáng lập ra thiền phái Trúc Lâm Yên Tử - một dòng thiền riêng có của người Việt,... Và trong giáo dục gia đình, thì sự ảnh hưởng tư tưởng của Phật giáo cũng được hiện khá rõ, trong các gia đình Việt, chúng ta không khó để tìm ra những lời giáo dục của ông bà, cha mẹ đối với con cháu mang đậm triết lí Phật giáo qua những câu ca dao, tục ngữ như: *Đức năng thắng số, ở hiền thì lại gặp lành, nhân nào quả đó, ác giả ác báo, hại nhân nhân hại, oan gia nên mở không nên kết*,... Nên có thể nói, trong mỗi tâm hồn của con người Việt Nam có chứa đựng ít nhiều triết lí của Phật giáo, với những hình ảnh thân thuộc về chùa hay Phật

như: Tây Ninh có núi Bà Đen, có sông Vàm Cỏ có tòa Cao Sơn hay Đông Ba, Gia Hội hai cầu, có chùa Diệu Đế bốn lầu hai chuông,... cho thấy những yếu tố về chùa đường như trở thành các điểm nhấn khi nói về vẻ đẹp quê hương. Vì thế sự ảnh hưởng về nội dung triết lí của Phật giáo đối với đời sống xã hội của dân tộc là điều không cần phải bàn cãi, và vận dụng những giá trị trong quan niệm về giáo dục con người của Phật giáo vào định hướng giáo dục con người ở Việt Nam hiện nay cũng là một điểm để các nhà làm công tác giáo dục và quản trị xã hội có thể tham khảo.

Qua khảo cứu, chúng tôi thấy rằng, định hướng giáo dục ở Việt Nam và giáo dục Phật giáo có sự phù hợp trên bốn điểm lớn. *Thứ nhất*, mục đích của giáo dục Phật giáo là giáo dục con người có sự thấu hiểu và kính trọng với cha mẹ, người thầy giáo và những người lão thành hơn giá trị vật chất. Điều này có sự tương thích lớn đối với văn hóa người Việt, nên tiếp nhận giáo dục Phật giáo là cách để khơi dậy tinh thần nhân văn, đạo đức của dân tộc Việt là điều phù hợp. *Thứ hai*, với sự phát triển của khoa học và kĩ thuật hiện nay, đã tạo nên văn hóa “tôn sùng vật chất” trong xã hội, điều này đã tác động lớn đến định hướng giáo dục con người, là xem nặng yếu tố vật chất mà xem nhẹ yếu tố giáo dục tinh thần, nhân cách cho người học. Nên, trong các chương trình đào tạo hiện nay, đặc biệt đào tạo đại học, chúng ta đang hướng đến chuyên môn hóa người học để họ ra trường có thể trở thành những nhân viên giỏi về tay nghề nhằm thỏa mãn nhu cầu vật chất mà phần nào quên đi rằng cần phải giáo dục tinh thần, giáo dục văn hóa, đạo đức cho người học. Với đạo Phật, con người là cấu thể của vật chất và tinh thần, trong xây dựng con người không được xem nhẹ yếu tố nào, bởi như triết gia Krishnamurti viết, “người biết cách để tách một rời một hạt nguyên tử, nhưng không có tình yêu thương trong trái tim sẽ trở thành ác quỷ” [6, tr.168], nên theo Phật giáo, giáo dục về chuyên môn là chưa đủ mà cần hướng tới giáo dục con người ý thức được về *cái đẹp, cái thiện, biết yêu thiên nhiên* trong cuộc sống. Có vậy, con người mới bớt đi sự vô cảm trước những đau thương của đồng loại, mới nhận thức được những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc. Do vậy, theo Phật giáo, giáo dục không chỉ tạo ra những con người sáng tạo ra những giá trị vật chất, mà phải truyền đạt, thực hành và tiếp nối được những giá trị của đời sống tinh thần. *Thứ ba*, lí duyên khởi là một trong những nội dung trọng tâm của

Phật giáo, và đó cũng là vấn đề quan trọng của giáo dục Phật giáo. *Cái này có thì cái kia có, cái này diệt thì cái kia diệt*, nên với Phật giáo, cần giáo dục để con người nhận thức được rằng, cá nhân và xã hội là hai thể làm nên nhau, không có chuyện xã hội tốt được xây dựng trên những cá nhân xấu, và ngược lại, những cá nhân xấu không thể có một xã hội tốt. Như chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy: *muốn có chủ nghĩa xã hội, phải có những con người xã hội chủ nghĩa*. Mỗi quan hệ giữa cá nhân và xã hội được thể hiện trong định hướng giáo dục là xây dựng ý thức trách nhiệm của cá nhân với xã hội, với Phật giáo giáo dục không đơn thuần là giáo dục con người biết tư duy và hành động độc lập, mà quan trọng hơn, phải xây dựng được mục tiêu cho các cá nhân là phục vụ xã hội, nên trong chùa ta thường thấy câu: phục sự chúng sinh là cúng dường chư Phật, có thể nói nhân tố này là rất quan trọng đối với giáo dục con người trong giai đoạn hiện nay. *Thứ tư*, thời đại ngày nay chứng kiến sự phát triển bùng nổ của khoa học công nghệ, việc giới trẻ tiếp nhận nền văn hóa phương Tây một cách ồ ạt mà chưa có sự chọn lọc là điều tất yếu. Một trong những nét mà giới trẻ Việt Nam đã và đang tiếp nhận là văn hóa tôn sùng cá nhân của phương Tây. Tôn sùng cá nhân không phải sai, nhưng sự tôn sùng đó không đặt trên hệ nền của văn hóa cộng đồng sẽ dẫn đến việc đề cao cái tôi, cái tự ngã trong cá nhân. Trong những năm gần đây, những biểu hiện về lối sống ích kỷ, chủ nghĩa cá nhân của giới trẻ được thể hiện khá đậm nét, điều này cho thấy, chính sức ép đời sống vật chất, về cái tôi, cái tự ngã đã làm tâm lý của cá nhân bị đè nén, người ta hướng tới sự khẳng định và thỏa mãn nhu cầu hơn là tiến tới đời sống hài hòa với xã hội và thiên nhiên. Trước hiện trạng đó, tinh thần giáo dục của Phật giáo là hướng con đến đời sống vô ngã⁴ về cái tự ngã là gợi ý quan trọng cho giáo dục xây dựng con người Việt Nam hiện nay. Giáo dục hướng tới nhận thức về cái tự

⁴Như trên đã phân tích, *vô ngã* không phải là thái độ bi quan, yếm thế thụ động trước xã hội.

ngã sẽ giúp cho cá nhân, đặc biệt là giới trẻ có thể cân đối và tự cân đối giữa đời sống vật chất và tinh thần, có thái độ tôn trọng những người xung quanh, tôn trọng môi trường sống và quan trọng, là nhận diện được giá trị của cuộc sống để có những lí tưởng sống tốt đẹp, hướng

tới đời sống chân, thiện, mỹ trên cả phương diện cá nhân và xã hội.

Tuy nhiên, khi nghiên cứu về những giá trị của giáo dục Phật giáo và có những vận dụng hợp lí vào giáo dục Việt Nam hiện nay, ta cũng cần lưu ý xây dựng những biện pháp khắc phục những hạn chế trong giáo dục Phật giáo. Trong xây dựng con người cả thể chất và tinh thần, hay cả tài và đức, bên cạnh hướng giáo dục khơi dậy nơi mỗi cá nhân sự tự giác thì cũng cần phải quan tâm đến cái “tôi” của cá nhân, không được đánh đồng cá nhân trong một tập thể chung, phải tạo điều kiện để họ có điều kiện thể hiện cái tôi của mình trong học tập và công việc, có vậy, mới tạo ra được sinh khí hay động lực cho sự phát triển của cá nhân và xã hội. Bởi xã hội xét đến cùng, là đời sống kinh tế quyết định đến đời sống tinh thần, khi kinh tế phát triển, người dân mới có điều kiện để được “khai dân trí”, mới “chân dân khí” qua đó mới đạt tới “hậu dân sinh”.

3. Kết luận

Tóm lại, với những phân tích trên, chúng tôi cho rằng, triết lí giáo dục Phật giáo là một gợi ý khả thi có thể giải quyết những vấn đề bất cập của giáo dục Việt Nam hiện nay, đặc biệt là trong định hướng giáo dục con người Việt Nam trong thời đại mới. Với việc khẳng định mối quan hệ tương hỗ giữa giá trị vật chất và tinh thần, giáo dục Phật giáo đã đề xuất những đường hướng giáo dục nhằm giảm/ loại bỏ tính tự ngã, dục vọng của con người để xây dựng nên những con người toàn diện. Theo họ, nếu lí tưởng sống của xã hội được xây dựng trên ý niệm tự ngã và sự thỏa mãn dục vọng của bản ngã thì con người và xã hội sẽ bị trói buộc vào sự ích kỷ và hạn hẹp của bản ngã, và điều này không có sự khác biệt lớn trong mục tiêu đào tạo con người của Việt Nam hiện nay.

Tài liệu tham khảo

- [1] *Duy thức học* (2010). (Thích Thiện Hoa dịch và chú). NXB Tôn giáo, Hà Nội.
- [2] Pháp Hiền (2011). *Triết học và khoa học Tây phương với lý nhân quả nhà Phật*. NXB Phương Đông, TP. Hồ Chí Minh.
- [3] *Pháp Tướng Tông* (2013). (Hồng sơn dịch). NXB Hồng Đức.
- [4] Thích Chơn Thiện (2004). *Lý thuyết nhân tính qua kinh tạng Pali*. NXB TP. Hồ Chí Minh, TP. Hồ Chí Minh.
- [5] Thích Tâm Thiện (1996). *Tâm lý học Phật giáo*. NXB Tp. Hồ Chí Minh.

[6] Thích Nhật Từ chủ biên (2014). *Giáo dục Phật giáo và chương trình đại học*. NXB Tôn giáo, Hà Nội.

SPIRIT OF BUDDHISM EDUCATION AND ITS VALUES TO THE VIETNAMESE PEOPLE
(Through case studies of Consciousness-only theory)

Abstract: Buddhism moved in Vietnam very early and participates in the building process of the traditional culture of Vietnam. Based on its spirit, the educational target of Buddhism is to develop a person in both intellect and morality, which is a harmonical and balanced development between material and mind by which put forward a basis for the development of the individual as well as society. The government of Vietnam always consider education is one of the most important factors in socio-economic development. In the last few years, the Vietnamese education system ceaselessly approaches experiences from the progressive educations on the world. However, the values of developing traditional culture are also necessary, and Buddhism's point of view about education is a suggestion which needs to be considered in.

Key words: educate people; Buddhism education; the self; the whole person; not self.